TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2019/KDTM-ST Ngày: 14 - 5 - 2019 V/v *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng và ông Đinh Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 07/01/2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 05 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST- KDTM ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần A**. Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp L, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông W: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 412, Minh Phụng, phường C, quận D, thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2018). (có mặt)

- Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn B**. Địa chỉ trụ sở: Đường số 4, Khu công nghiệp G, xã G, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình K; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Vũ Thị Quỳnh T, sinh năm 1996; Địa chỉ: khu phố P, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Đ - Nhân viên phụ trách pháp lý của Công ty (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trước ngày 20/9/2017, Công ty Cổ phần A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) đã nhiều lần mua bán thép với nhau và hai bên đã thanh toán đủ tiền hàng cho nhau.

Ngày 20/9/2017, Công ty B tiếp tục mua 01 lô hàng thép của Công ty A trị giá 69.531.000đ, Công ty A đã giao hàng cho Công ty B theo phiếu giao hàng số 0005779 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004226 ngày 20/9/2017. Việc mua bán hai bên thỏa thuận miệng, Công ty B phải thanh toán tiền cho Công ty A trước khi nhận lô hàng thép nhưng đến nay Công ty B vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty A. Nay Công ty A yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền 69.531.000đồng và lãi chậm thanh toán 10%/năm từ ngày 21/9/2017 đến nay là 11.447.215 đồng, tổng cộng 80.978.000 đồng.

Công ty B cho rằng, lô hàng thép trên của Công ty A không đảm bảo chất lượng nên đã gây thiệt hại cho Công ty B rất lớn. Vì vậy, Công ty B chỉ đồng ý thanh toán ½ trị giá lô hàng cho Công ty A là 34.765.500 đồng.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác trong vụ án này.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền hàng là 69.531.000đồng và lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật. Đồng thời buộc Công ty B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 và tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 69.531.000đồng và lãi chậm thanh toán đến nay là: 11.447.000 đồng, tổng cộng là 80.978.000 đồng. Các đương sự không còn yêu cầu nào khác. Nguyên đơn không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận: Ngày 20/9/2017 Công ty B đặt mua 01 lô hàng thép của Công ty A trị giá 69.531.000đồng, Công ty A đã giao hàng cho Công ty B theo phiếu giao hàng số 0005779 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004226

ngày 20/9/2017. Hai bên thỏa thuận, Công ty B phải thanh toán tiền hàng hóa cho Công ty A trước khi nhận hàng nhưng đến nay Công ty B vẫn chưa thanh toán.

Công ty B cho rằng, lô hàng trên của Công ty A không đảm bảo chất lượng nên chỉ đồng ý thanh toán ½ trị giá lô hàng là 34.765.500 đồng cho Công ty A. Tuy nhiên, lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, đến nay Công ty B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lô hàng trên không đảm bảo chất lượng và cũng không có yêu cầu phản tố về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty B trả số tiền hàng còn thiếu là 69.531.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Bên cạnh đó, Công ty A yêu cầu Công ty B trả lãi chậm thanh toán 10%/năm tính từ ngày 21/9/2017 đến nay là 01 năm 7 tháng 23 ngày là 11.447.000 đồng là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty B phải trả cho Công ty A tổng số tiền là 80.978.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 4.048.900 đồng án phí dân sự (80.978.000 đồng x 5% = 4.048.900đồng). Hoàn trả 3.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự cho nguyên đơn.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, 306 Luật thương mại; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, 9 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần A về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần A số tiền 80.978.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải chịu 4.048.900đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 001248 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND H.TB và tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA DS H.Trảng Bom;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu